

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-PT

Ngày 29/11/2024

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản chung  
sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Bá Dự

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thương và bà Đinh Thị Như Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu T; địa chỉ: 74 L, phường Đ, thị xã AyunPa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Bá N; địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn M. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Nguyễn Bá N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

*1.1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc nên đã được Toà án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự điểm ly hôn số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2023. Tại thời điểm ly hôn chị T và anh N không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung mà tự thỏa thuận. Tuy nhiên, sau khi ly hôn chị T và anh N đã không thống nhất thỏa thuận, phân chia tài sản chung của vợ chồng. Nay chị T yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản chung như sau: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh N cùng nhau tạo lập được khối tài sản chung là một căn nhà xây cấp IV, diện tích xây dựng 72,345m<sup>2</sup> và các công trình phụ khác như nhà tắm, sân, cổng, hàng rào theo như Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Ia Pa đã ghi nhận. Toàn bộ tài sản là nhà ở và các công trình xây dựng được xây dựng trên thửa đất số 621, tờ bản đồ số 29 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 821680 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/11/2022 cho anh Nguyễn Bá N. Thửa đất nêu trên anh N được bố mẹ tặng cho riêng nên chị T không tranh chấp và không có yêu cầu gì đối với thửa đất này, Toàn bộ tài sản chung nêu trên hiện anh N đang quản lý, sử dụng.

Về giá trị tài sản chung: Chị T cũng thống nhất đồng ý với tổng giá trị tài sản chung được Hội đồng định giá tài sản xác định theo Biên bản định giá tài sản ngày 15/5/2024 là 128.185.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết, phân chia tài sản chung như sau: Giao toàn bộ tài sản chung là nhà ở và các công trình xây dựng trên đất cho anh Nguyễn Bá N được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng, đồng thời yêu cầu anh N có nghĩa vụ phải thanh toán cho chị T  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung là 64.092.500 đồng. Chị T, không đồng ý để lại tài sản chung cho hai con sử dụng như anh N trình bày bởi vì: Sau khi ly hôn anh N đã lấy vợ mới và đưa vợ về sống chung trong căn nhà này.

Từ khi ly hôn cho đến nay chị T và anh N sống riêng và mỗi người có trách nhiệm nuôi dưỡng một con chung theo như Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2023 của TAND huyện Ia Pa, hiện hai mẹ con chị T vẫn chưa có nhà ở, phải ở thuê, điều kiện về chỗ ở là rất khó khăn.

### *1.2. Bị đơn anh Nguyễn Bá N trình bày:*

Anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị Thu T trước đây là vợ chồng nhưng đã được Toà án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số

28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2023. Tại thời điểm ly hôn anh N và chị T không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung mà tự thỏa thuận.

Anh N thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân anh và chị T đã cùng tạo lập được khối tài sản chung là một căn nhà xây cấp IV, diện tích xây dựng 72,345m<sup>2</sup> và các công trình phụ khác như nhà tắm, sân, cổng, hàng rào theo như Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa đã ghi nhận là đúng. Toàn bộ tài sản nêu trên được xây dựng trên thửa đất số 621, tờ bản đồ số 29 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 821680 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/11/2022 cho anh Nguyễn Bá N là tài sản riêng của anh N vì được bố mẹ tặng cho riêng. Hiện toàn bộ tài sản chung nêu trên anh N đang quản lý, sử dụng.

Về giá trị tài sản chung: Anh N cũng thống nhất đồng ý với tổng giá trị tài sản chung được Hội đồng định giá tài sản xác định theo Biên bản định giá tài sản ngày 15/5/2024 là 128.185.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên anh N cho rằng trong khối tài sản chung nêu trên thì anh là người có công sức đóng góp nhiều hơn chị T.

Theo yêu cầu chia tài sản chung của chị T thì anh N không đồng ý chia. Anh N muốn để lại toàn bộ tài sản chung cho 02 con chung là Nguyễn Bá V và Nguyễn Thị Trúc L quản lý, sử dụng

*1.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

- Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị T1 là cha mẹ đẻ của anh Nguyễn Bá N. Ông M và bà T xác nhận thửa đất số 621, tờ bản đồ số 29 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 821680 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/11/2022 cho anh Nguyễn Bá N trước đây có nguồn gốc là của vợ chồng ông, bà sau đó tặng cho riêng anh Nguyễn Bá N. Hiện thủ tục tặng cho đã xong nên ông M và bà T không có ý kiến gì.

Trong thời kỳ hôn nhân anh N và chị T có tạo lập được tài sản chung là căn nhà xây cấp IV cùng các công trình phụ khác được xây dựng trên đất của anh N như chị T trình bày là đúng. Ông M và bà T cũng thống nhất với kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 15/5/2024. Theo yêu cầu chia tài sản chung của chị T thì ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị T1 cũng thống nhất đồng ý như anh N trình bày là để lại toàn bộ tài sản chung của vợ chồng anh N, chị T cho 02 cháu nội là Nguyễn Bá V và Nguyễn Thị Trúc L quản lý, sử dụng.

## **2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:**

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 235,

Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 213, Điều 216, Điều 217, Điều 218, Điều 219 và Điều 220 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 29, Điều 33, Điều 35 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Nguyễn Bá N về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

+ Giao anh Nguyễn Bá N được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đối với toàn bộ tài sản chung gồm:

Nhà ở cấp IV, móng xây đá, tường xây gạch, tường trong nhà sơn tô trát. Nền lát gạch Ceramic 500 x 500 với diện tích  $S = 74,82m^2$ , không có sê nô mặt trước, không đóng trần, mái lợp tôn, chưa làm cửa chính; diện tích xây dựng nhà  $4,55m \times 15,9m = 72,345m^2$ .

Nhà tắm tường xây gạch tô trát không sơn, nền lát gạch Ceramic (300x300)mm với diện tích  $S = 2,2m^2$ , tường ốp gạch Ceramic (300x450)mm với diện tích  $S = 3,0m^2$ , không đóng trần, mái lợp tôn. Diện tích nhà tắm  $1,56m \times 2,57 = 4,0m^2$ .

Nền sân lát vỉa xi măng với diện tích  $4m \times 5,5m = 21,6m^2$

Cổng, hàng rào: + Tường rào xây gạch dày 10cm, cao 1,6m dài 2,1m.

02 trụ cổng kích thước (0,4x0,4x1,9)m

Cửa khung sắt kết hợp lưới B40 với diện tích  $2,9m \times 1,7m = 4,93m^2$ .

Toàn bộ tài sản chung được xây dựng trên thửa đất số 621, tờ bản đồ số 29 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 821680 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/11/2022 cho anh Nguyễn Bá N. Địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

+ Buộc anh Nguyễn Bá N phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thu T  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung là 64.092.500 đồng (sáu mươi bốn triệu không trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **3. Về kháng cáo, kháng nghị:**

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, bị đơn anh Nguyễn Bá N có đơn kháng cáo một phần bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết: trừ phần tiền 52.000.000 đồng vay của ngân hàng, mỗi người còn nhận được 38.000.000 đồng, xem xét nguyện vọng để lại căn nhà cho con trai ở.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T không kháng cáo.

- Bản án không bị kháng nghị.

#### **4. Diễn biến tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết trừ phần tiền 52.000.000 đồng vay của ngân hàng, mỗi người còn nhận được 38.000.000 đồng, xem xét nguyện vọng để lại căn nhà cho con trai ở.
- Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.
- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc bị đơn chịu án phí phúc thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Bá N; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị Thu T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

Anh N và chị T cùng thừa nhận anh chị có tài sản chung là căn nhà xây cấp IV, diện tích xây dựng 72,345m<sup>2</sup> và các công trình phụ khác như nhà tắm, sân, cổng, hàng rào theo như Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa đã ghi nhận. Toàn bộ tài sản là nhà ở và các công trình xây dựng được xây dựng trên thửa đất số 621, tờ bản đồ số 29 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 821680 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/11/2022 cho anh Nguyễn Bá N. Thửa đất nêu trên anh N được bố mẹ tặng cho riêng nên là tài sản riêng của anh N, chị T và anh N đều không có ý kiến tranh chấp và không có yêu cầu gì đối với thửa đất này.

Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1] Đối với yêu cầu trừ phần tiền 52.000.000 đồng vay của ngân hàng, mỗi người còn nhận được 38.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngoài lời trình bày về việc món nợ chung 52.000.000 đồng vay của ngân hàng là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của anh N và chị Thu, thì anh N không có chứng

cứ gì chứng minh cho khoản vay này là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà cho anh N và buộc anh N có trách nhiệm thanh toán lại cho chị T ½ trị giá tài sản chung là 64.092.500 đồng là phù hợp đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo đối với yêu cầu này của anh N

[2.2] Đối với yêu cầu xem xét nguyện vọng để lại căn nhà cho con trai ở của anh N.

Xét thấy, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, các đương sự không có tranh chấp về công sức đóng góp, tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung nên Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi tài sản chung có trị giá 128.185.000 đồng, mỗi bên được nhận ½ trị giá tài sản chung là phù hợp với quy định của pháp luật. Luật không quy định việc chia tài sản chung của vợ chồng cho con chung nên yêu cầu kháng cáo này của bị đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Bá N.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Bá N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Nguyễn Bá N.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 213, Điều 216, Điều 217, Điều 218, Điều 219 và Điều 220 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 29, Điều 33, Điều 35 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Nguyễn Bá N về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

**1.1** Giao anh Nguyễn Bá N được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đối với toàn bộ tài sản chung gồm:

- Nhà ở cấp IV, móng xây đá, tường xây gạch, tường trong nhà sơn tô trát. Nền lát gạch Ceramic 500 x 500 với diện tích  $S = 74,82m^2$ , không có sân nô mặt trước, không đóng trần, mái lợp tôn, chưa làm cửa chính; diện tích xây dựng nhà  $4,55m \times 15,9m = 72,345m^2$ .

- Nhà tắm tường xây gạch tô trát không sơn, nền lát gạch Ceramic (300x300)mm với diện tích  $S = 2,2m^2$ , tường ốp gạch Ceramic (300x450)mm với diện tích  $S = 3,0m^2$ , không đóng trần, mái lợp tôn. Diện tích nhà tắm  $1,56m \times 2,57 = 4,0m^2$ .

- Nền sân láng vữa xi măng với diện tích  $4m \times 5,5m = 21,6m^2$

- Cổng, hàng rào: + Tường rào xây gạch dày 10cm, cao 1,6m dài 2,1m.

+ 02 trụ cổng kích thước (0,4x0,4x1,9)m

+ Cửa khung sắt kết hợp lưới B40 với diện tích  $2,9m \times 1,7m = 4,93m^2$ .

Toàn bộ tài sản chung được xây dựng trên thửa đất số 621, tờ bản đồ số 29 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 821680 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/11/2022 cho anh Nguyễn Bá N. Địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

**1.2.** Buộc anh Nguyễn Bá N phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thu T  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung là 64.092.500 đồng (sáu mươi bốn triệu không trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

**1.3.** Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Bá N phải hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T  $\frac{1}{2}$  chi phí tố tụng là 1.450.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**1.4.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Bá N, mỗi người phải chịu 3.204.625 đồng (ba triệu hai trăm linh bốn nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Riêng chị Nguyễn Thị Thu T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003760, ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Chị T còn phải nộp 1.329.625 đồng (một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

**2. Về án phí phúc thẩm:**

Buộc anh Nguyễn Bá N phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003827 ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

**3.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thương**

**Đinh Thị Như Phượng**

**Giáp Bá Dự**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- TAND huyện Ia pa;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa GD&NCTN, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Giáp Bá Dự**